

KINH BỒ TÁT THIÊN GIỚI

QUYỂN 6

Phẩm 17: CÚNG DƯỜNG TAM BẢO CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát cúng dường Như Lai? Cúng dường Như Lai gồm có mười việc: Một là cúng dường sắc thân. Hai là cúng dường tháp. Ba là cúng dường hiện thấy. Bốn là cúng dường không hiện thấy. Năm là tự cúng dường. Sáu là tha cúng dường. Bảy là cúng dường lợi ích. Tám là cúng dường tối thắng. Chín là cúng dường thanh tịnh. Mười là cúng dường thọ trì.

Cúng dường sắc thân, nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát khi gặp sắc thân của Phật liền cúng dường. Đây gọi là cúng dường sắc thân.

Cúng dường tháp tức là Bồ-tát Ma-ha-tát vì Như Lai cho nên tạo tháp miếu, hình tượng, khám thất, sửa sang tháp đã cũ mục, hư hoại, nếu thấy tháp mới tức dùng hoa hương cúng dường. Đây gọi là cúng dường tháp.

Cúng dường hiện thấy nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát lúc gặp hình tượng Như Lai, thấy vật này cũng như thấy mười phương chư Phật. Đây gọi là cúng dường hiện thấy.

Cúng dường không hiện thấy nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát cúng dường chư Phật hiện tại và tháp miếu Phật, thì được tâm tin hiểu. Nay ta hiện tại làm việc cúng dường này, tức cũng được cúng dường Phật trong đời quá khứ và vị lai. Vì sao? Vì tất cả Như Lai đồng một pháp tánh, cho nên được cúng dường chư Phật đời quá khứ và vị lai. Như ta cúng dường tháp Phật hiện tại, tức cũng được cúng dường tháp Phật đời quá khứ và vị lai. Vì sao? Các tháp như vậy là đồng một pháp tánh. Nếu cúng dường một vị Phật tức đã cúng dường chư Phật ở mười phương.

Nếu cúng dường một tháp tức đã cúng dường tháp Phật trong mười phương. Tạo lập khám thất, sửa sang tháp cũ, cúng dường tháp, cũng lại như vậy. Đây gọi là cúng dường không hiện thấy.

Lại nữa, nếu không gặp Phật, không thấy tháp Phật, nhưng trong tâm tưởng niệm: Đây là Như Lai, đây là tháp Phật, tất cả Phật, tất cả tháp, tất cả hàng, tất cả tượng cũng lại như vậy. Đây cũng gọi là cúng dường không hiện thấy. Lại nữa, nếu sau khi Phật, Bồ-tát Niết-bàn, vì Như Lai nên tạo lập tháp miếu, tạo lập khám thất, hoặc một hoặc hai, cho đến vô lượng, tùy lực mà làm. Đây gọi là cúng dường không hiện thấy. Quả báo phước đức vô lượng như vậy, thâm giữ vô lượng quả phước đức phạm Bồ-tát Ma-ha-tát do nhân duyên này mà trong vô lượng kiếp không rơi vào đường ác, cũng có thể trang nghiêm đạo Bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát không hiện thấy Tam bảo mà thiết lập cúng dường, hơn tất cả sự cúng dường hiện thấy, không thể lường, không thể so sánh, quả báo có được nhiều vô lượng không thể nói hết. Người ngu si, sau khi thấy Phật, tháp mà thiết lập cúng dường. Người trí tuệ tuy không hiện thấy mà cũng cúng dường. Đây gọi là cúng dường không hiện thấy.

Tự cúng dường tức là Bồ-tát Ma-ha-tát nếu cúng dường Phật và tháp của Phật, tự tay làm lấy không sai người khác làm. Đây gọi là tự cúng dường.

Tha cúng dường tức là khi muốn cúng dường Phật và tháp Phật, tụ tập nhiều người cùng làm, chẳng phải riêng mình tự làm. Nhiều người như là cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, tôi tớ, hoặc quốc vương, đại thần, Bà-la-môn, trưởng giả, hàng xóm, tri thức, người trong, người ngoài, nam nữ, giàu hèn, thọ khổ, thọ vui, hoặc Hòa thượng, hoặc đồng sư, đồng Hòa thượng, đồng ở, đồng học, đồng quốc độ, đồng tên, đồng họ, cho đến người tà kiến và hạng Chiên-đà-la. Đây gọi là tha cúng dường. Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát giàu có, tự tại, vì tâm từ bi nên bố thí cho chúng sinh, lúc bố thí tự nguyện: Chúng sinh nghèo khổ là do thiếu phước đức, nay thọ thí rồi ta sẽ khuyến bảo khiến cúng dường Tam bảo. Do nhân duyên cúng dường Tam bảo này mà phá trừ sự bần cùng, được nhiều phước đức. Phát nguyện xong rồi bố thí cho chúng sinh, bố thí rồi dạy dỗ khiến họ cúng dường Tam bảo. Đây gọi là tha cúng dường.

Cúng dường lợi ích tức là Bồ-tát đối với Phật và tháp Phật, phụng cúng y phục, thức ăn, ngọa cụ, thuốc thang, phòng xá, cung kính lễ bái, lại dùng đủ các thứ hoa, hương thoa, hương bột, cờ phướn, lọng báu, đèn đuốc mà cúng dường, lại khen ngợi công đức vô lượng của Như Lai, năm vóc gieo xuống đất, đi nhiều ba vòng cho đến vô lượng vòng, lại

phụng cúng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não, anh lạc, chuông, linh, cho đến một tiền, một sợi chỉ, một hạt gạo. Đây gọi là Bồ-tát cúng dường lợi ích.

Cúng dường tối thắng tức là Bồ-tát đối với Phật và tháp Phật mà thiết lập cúng dường, cúng dường lợi ích, cúng dường thường hằng, dùng vật tốt cúng dường, cúng dường hiện thấy, cúng dường không hiện thấy, tự cúng dường, tha cúng dường, chí tâm cúng dường, hỷ tâm cúng dường, hỷ tâm nhẫn lạc cúng dường Tam bảo. Đem các thứ cúng dường như vậy hồi hướng về đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là cúng dường tối thắng.

Cúng dường thanh tịnh tức là đối với Phật và tháp Phật, tự tay cúng dường, không có tâm kiêu mạn, xem thường, khiến người khác làm việc không có phóng dật, siêng năng tinh tấn chí tâm thanh tịnh, chẳng phải vì quốc vương sinh kính tín, chẳng vì chỗ cúng dường của quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, chẳng phải tự khoe công đức của mình mà cúng dường. Khi làm hình tượng không dùng các thứ hồ giao, dầu tô bôi phết lên, không đốt hương keo, hương xông mà cúng dường, các thứ hoa phẩm ca cũng không cúng dường, tất cả hoa có mùi hôi dù có sắc đẹp cũng không cúng dường. Không cúng dường các thứ như vậy, gọi là cúng dường thanh tịnh.

Cúng dường thọ trì tức là đối với Phật và tháp của Phật, tự mình xuất tiền tài hoặc xin từ người khác, hoặc làm tượng, hoặc làm tháp, hoặc một, hoặc hai, cho đến trăm ngàn, vô lượng vạn ức. Trong mỗi mỗi tháp, trước mỗi mỗi tượng đều cung kính lễ bái, dùng hoa hương, kỹ nhạc, đèn đuốc, anh lạc, cờ phướn, lọng báu mà cúng dường, cũng vì nhân duyên cúng dường này cho nên cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng, cầu ở Phật đạo. Vì sao? Vì Bồ-tát Ma-ha-tát trụ nơi địa bất thối, Bồ-tát trụ nơi địa bất thối này rồi, ở cõi của chư Phật thọ thân vô ngại. Bồ-tát Ma-ha-tát không tự xuất tiền tài, không cầu tiền tài ở người khác, mà lập thế nguyện: Như có chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề, có thể cúng dường Phật Pháp Tăng bảo, từ bốn thiên hạ cho đến ba ngàn đại thiên thế giới, chúng sinh hiện có trong mười phương vô lượng vô biên thế giới, dùng bậc thượng trung hạ mà cúng dường Tam bảo, ta sẽ chí tâm tùy hỷ. Lại thế nguyện: Dùng nhân duyên này khiến các chúng sinh đều được thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là Bồ-tát trang nghiêm đạo Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là làm việc cúng dường như pháp. Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập tâm từ, tâm bi hỷ xả cũng lại như vậy. Tất cả hữu vi, vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, quán sâu công đức vi diệu của

Niết-bàn, niệm Phật Pháp Tăng, niệm thí, giới, thiên cho đến không thấy trong pháp giới có phần nhỏ nào có thể nêu bày chí tâm thực hành sáu pháp Ba-la-mật, dùng bốn nhiếp pháp để thâm giữ chúng sinh. Đây gọi là làm việc cúng dường như pháp. Nếu có Tỳ-khưu thường ưa cung kính, cúng dường tháp vàng, tượng vàng, tháp bạc, tượng bạc, hoặc tháp tượng bằng pha lê, chân châu, xa cừ, mã não, ngọc bích, không ưa thích cung kính cúng dường tháp tượng bằng đất, hoặc gỗ, phải biết người này không gọi là cúng dường như pháp. Cúng dường như pháp ấy gọi là cúng dường vô thượng, cúng dường vô thắng, cúng dường tối thắng, cúng dường như vậy là hơn tất cả sự cúng dường, có thể đạt được quả vô lượng không gì hơn.

Bồ-tát Ma-ha-tát cúng dường Tam bảo vì sáu việc: Một là vì phước điền vô thắng. Hai là vì biết ân báo ân. Ba là vì hơn tất cả loài một chân, hai chân, nhiều chân, không chân. Bốn là vì khó gặp như hoa Ưu-đàm-bát. Năm là vì không có Hòa thượng mà tự nhiên chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Sáu là vì có thể khiến chúng sinh được sự an vui thế gian và xuất thế gian.

Bồ-tát lúc muốn thọ giới Bồ-tát, phải quán xét Hòa thượng có đầy đủ tám pháp mới theo thọ giới: Một là đầy đủ giới Ưu-bà-tắc, Sa-di, Tỳ-khưu. Hai là có thể nhận sự cúng dường. Ba là khéo quán sát tướng mạo trì giới hoặc hủy giới. Bốn là đặc chỉ và quán. Năm là tâm từ thương xót tất cả. Sáu là có thể xả sự vui của mình để bố thí cho chúng sinh. Bảy là không sợ hãi. Tám là không thuyết phi pháp, không nghe phi pháp. Nghe thuyết phi pháp thì quở trách can ngăn, có thể nhẫn chịu tất cả sự hủy nhục, đánh mắng, náo hại cùng những người tham sân si, hủy giới, biếng nhác, ở trong chúng thuyết pháp không từ mệt nhọc, không giải nghĩa sai, cũng không nói lầm, lời nói luôn nhẹ nhàng không thô tháo, thường nhớ chúng sinh muốn khiến đạt được an lạc, có nghi liền thỉnh hỏi, không khởi tâm sỉ nhục, khéo biết phương tiện để giáo hóa, biết đối trị phiền não của các chúng sinh, đối với chúng sinh tâm luôn bình đẳng, không có phân biệt sang hèn, cao thấp, sáu căn đầy đủ, oai nghi đĩnh đạc, không tin lời đua nịnh, hành tịnh hạnh nghiêm nhặt, không tự khoe khoang, khinh chê người khác, không vì lợi dưỡng mà hiện sự đối trá bên ngoài, xả bỏ tâm tham lam, ganh ghét, bủn xỉn, nếu tự có lợi trước nhường cho người, trong tâm thường nhất không phóng dật, thấy người được lợi hoan hỷ như mình được, ít muốn biết đủ, chỉ chứa sáu vật, ngoài sáu vật ra nếu có liền tùy theo mà bố thí; thường khuyên người phạm giới nên phát lồ, chỉ bày ức niệm, khéo biết pháp sám hối,

khéo nuôi dưỡng người có bệnh khổ, trọn không tuyên thuyết tạng pháp Thanh văn và lỗi của tạng Bồ-tát. Nếu có đầy đủ những pháp như trên, mới có thể nhận làm Hòa thượng. Bồ-tát Ma-ha-tát đã thọ giới rồi, nếu Hòa thượng bệnh nên cung cấp hầu hạ như lúc không bệnh, nên theo lời dạy mà làm việc, nên sinh tâm thành thật cung kính, nghinh đón lễ bái đứng hầu hai bên, phụng dâng y phục, thức ăn, ngọa cụ, thuốc thang, tùy thuận pháp ngữ, tùy pháp mà làm không có động chuyển, tùy chỗ phạm tội mà nói thành thật. Như lúc nghe pháp nên tạo tưởng như Phật, tưởng Pháp, tưởng Tỳ-khưu Tăng, tưởng về sự khó được, tưởng nhân, tưởng nhân của đại trí, tưởng về ánh sáng lớn, tưởng đạt được đại quả báo, tưởng về nhân của đạo vô thượng là đại Niết-bàn, tưởng đạt được thường lạc, tưởng chứng đắc chỉ quán. Các tưởng như vậy tức là tưởng pháp chân thật. Đây gọi là đầy đủ công đức nghe pháp.

Lại nữa, lúc nghe pháp nên chí tâm nghe, tâm tín nghe, không nên nghĩ nay ta không cần theo người phá giới này, ấy là chủng tánh thấp kém, cần không đầy đủ; không nên hỏi pháp này, vì không chánh ngữ, vì cần tánh xấu. Nên lìa niệm như vậy mà nghe pháp.

Bồ-tát Ma-ha-tát thọ giới Bồ-tát có hai hạng: Một là trí. Hai là ngu. Nếu có sự suy nghĩ như trên thì gọi là ngu si, không tăng pháp thiện, không được đại trí. Bồ-tát tu tập bốn tâm vô lượng là từ bi hỷ xả. Bốn tâm vô lượng có ba hạng: Một là duyên chúng sinh. Hai là duyên pháp. Ba là không duyên. Duyên chúng sinh tức là Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập tâm từ, quán sát hết thấy ba tụ chúng sinh: Một là thọ vui. Hai là thọ khổ. Ba là thọ không khổ không vui. Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập tâm từ, quán người thọ vui khiến được tăng trưởng, quán chúng sinh thọ khổ thì diệt khổ sinh vui, quán người không khổ không vui thì đoạn trừ khổ vui khiến được Niết-bàn. Đây gọi là duyên chúng sinh. Duyên pháp tức là Bồ-tát Ma-ha-tát chỉ quán tướng pháp, không quán tướng chúng sinh. Nếu ta tu Từ không có chúng sinh, chỉ được lìa khổ, ai được thọ vui? Đây gọi là duyên pháp. Không duyên tức là xả bỏ tướng chúng sinh, cho đến tướng pháp mà tăng trưởng tâm từ. Đây gọi là không duyên. Ba tâm vô lượng là bi, hỷ, xả cũng lại như vậy, Bồ-tát Ma-ha-tát nếu nhân chúng sinh mà tu vô lượng tâm, phải biết tâm này không khác ngoại đạo, cũng cùng tâm với Thanh văn, Duyên giác. Bồ-tát Ma-ha-tát hợp bốn tâm vô lượng tức là Bi, cho nên Bồ-tát được gọi là Đại bi. Bồ-tát quán sát chúng sinh thọ khổ có một trăm mười thứ, vì trừ những thứ khổ này nên tu tập Đại bi. Những gì là một trăm mười thứ? Một thứ là sinh khổ. Lại có hai thứ: Một là cầu không được nên khổ. Hai là cầu được

rồi mất nên khổ. Lại có ba thứ: Một là khổ khổ. Hai là hành khổ. Ba là hoại khổ. Lại có bốn thứ: Một là ái biệt ly khổ. Hai là oán gặp nhau khổ. Ba là chết khổ. Bốn là năm ấm không dứt nên khổ. Lại có năm thứ: Một là nhân duyên tham dục khổ. Hai là nhân duyên sân hận khổ. Ba là nhân duyên ngu ngử khổ. Bốn là nhân duyên tán loạn khổ. Năm là nhân duyên nghi ngờ khổ. Lại có sáu thứ: Một là nhân đường ác khổ. Hai là quả đường ác khổ. Ba là cầu nhiều khổ. Bốn là giữ gìn khổ. Năm là không biết nhàm chán nên khổ. Sáu là mất mát khổ. Lại có bảy thứ: Một là sinh khổ. Hai là già khổ. Ba là bệnh khổ. Bốn là chết khổ. Năm là ái biệt ly khổ. Sáu là oán gặp nhau khổ. Bảy là cầu không được nên khổ. Lại có tám thứ: Một là lạnh khổ. Hai là nóng khổ. Ba là đói khổ. Bốn là khát khổ. Năm là không được tự tại khổ. Sáu là tự làm khổ như Ni-kiền-tử. Bảy là người khác làm khổ, như việc vua... Tám là mất oai nghi khổ. Lại có chín thứ: Một là thân bần cùng khổ. Hai là người khác bần cùng khổ. Ba là thân ái hoại khổ. Bốn là mất của cải khổ. Năm là bệnh khổ. Sáu là phá giới khổ. Bảy là tà kiến khổ. Tám là hiện tại khổ. Chín là đời sau khổ. Lại có mười thứ: Một là có thức ăn không có đồ đựng khổ. Hai là bước đi không có xe khổ. Ba là cầu các anh lạc hoa hương không được nên khổ. Bốn là cầu tìm kỹ nhạc vui chơi không được nên khổ. Năm là cầu ánh sáng không được nên khổ. Sáu là cầu người phục dịch không được nên khổ. Bảy là cầu thức ăn không được nên khổ. Tám là cầu y phục không được nên khổ. Chín là có được không dùng nên khổ. Mười là thấy người đến xin mà khổ. Lại có chín thứ: Một là tất cả khổ. Hai là khổ lớn. Ba là tất cả tự khổ. Bốn là không như pháp trụ khổ. Năm là chuyển khổ. Sáu là không được tự tại khổ. Bảy là hại khổ. Tám là đuổi theo khổ. Chín là tất cả hành khổ.

Tất cả khổ tức là do tạo nhân đời trước nên hiện tại khổ. Khổ lớn tức là các chúng sinh thọ khổ nơi địa ngục trong vô lượng đời. Tất cả tự khổ tức là sự khổ trong đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời người. Không như pháp trụ khổ tức là bàn mưu muốn hại người mà không thành tựu, trở lại rước họa vào thân, như tham ăn uống sau thọ khổ lớn. Như nghĩ đến tham dục, sân hận, ngu si nên khổ. Hoặc nhân nơi nghiệp ác của thân khẩu ý mà thọ khổ, hoặc nhân hủy giới thọ sự ưu khổ.

Chuyển khổ tức hiện tại làm thân vua, đời khác chuyển làm thân tôi tớ, hoặc hiện tại làm cha mẹ, anh em, vợ con, đời khác là oán ghét khổ, hoặc đời này giàu có đời sau chịu bần cùng khốn khổ. Không được tự tại khổ tức như muốn được sống lâu, muốn được xinh đẹp, muốn được giàu có, muốn được mạnh khỏe, muốn được trí tuệ, muốn trừ oán địch,

nhưng tất cả không được như ý nên khổ. Hai khổ tức như người trong thế gian cầu hết sự bận cùng nhưng không được nên khổ, người xuất gia cầu phá bỏ phiền não nhưng không thể nên khổ, hoặc gặp nạn khổ, binh đao khởi khổ, đi giữa đồng trống khổ, bị cắt tay chân khổ, bị trói buộc giam cầm khổ, bị đuổi ra ngoài khổ. Tất cả hành khổ tức là nhân nơi khổ thọ khổ, là sự vui thọ khổ, tất cả các thọ chưa đoạn nên khổ, không thể xuất gia nên khổ, không thể tịch tĩnh khổ, không được Bồ-đề khổ, sinh nhiều tư giác khổ, phàm phu khổ, bốn đại khổ, ba cõi khổ, phiền não khổ. Đây gọi là một trăm mười sự khổ.

Bồ-tát quán sát các sự khổ như vậy nên tăng trưởng tâm đại bi. Khổ lớn như thế do mười tám thứ mà tăng trưởng: Một là ngu si khổ. Hai là thọ quả báo khổ. Ba là hành khổ. Bốn là thường khổ. Năm là sinh khổ. Sáu là tự tạo tác khổ. Bảy là tha tạo tác khổ. Tám là phá giới khổ. Chín là tà kiến khổ. Mười là đời quá khứ khổ. Mười một là đại khổ. Mười hai là địa ngục khổ. Mười ba là trời người khổ. Mười bốn là chuyển khổ. Mười lăm là thọ khổ. Mười sáu là không biết nên khổ. Mười bảy là tăng trưởng khổ. Mười tám là biếng nhác khổ. Bồ-tát thường dùng bốn nhân duyên gọi là đại bi: Một là quán sát nhân duyên của chúng sinh thọ khổ sâu xa khó giải. Hai là tu tập trong vô lượng đời. Ba là chí tâm tu tập. Bốn là chí tâm đối với chúng sinh không tiếc thân mạng. Do bốn nhân duyên này, có thể vì chúng sinh lao nhọc thọ khổ nơi thân, nên Bồ-tát gọi là tịnh đại bi. Tịnh đại bi gọi là địa Như Lai.

Bồ-tát Ma-ha-tát quán sát một trăm mười việc ấy, tất cả Bồ-tát đều tu tập, vì chúng sinh nên tăng trưởng tâm đại bi. Như vậy Bồ-tát có thể quán chúng sinh và dùng pháp tướng mà sinh tâm đại bi. Không thể quán sát tướng vô duyên mà sinh tâm đại bi, như thế không được gọi là đại bi. Như Lai có thể đầy đủ ba thứ như thế nên gọi là đại bi. Bồ-tát tu tập đại bi mà được thân tâm tịch tĩnh, do nhân duyên thân tâm tịch tĩnh nên có thể phá trừ phiền não hiện có của chúng sinh, trụ ở địa tịnh, đối với chúng sinh luôn thương mến như con. Do nhân duyên đại bi, nên vì các chúng sinh mà siêng tu khổ hạnh, tâm không hối hận. Như đạo Thanh văn lúc ngộ Tứ đế thọ sự vui vô lậu. Bồ-tát tu tập tâm bi cũng lại như vậy, Bồ-tát tu tập tâm bi là chỉ vì chúng sinh không vì thân mình. Do nhân duyên tu tập bi mà Bồ-tát không tiếc thân mạng và của cải bên ngoài. Do nhân duyên tu bi mà xả thân thọ thân, trọn không hủy phạm giới cấm của Như Lai, Tam-muội khó được tức có thể được, vì thế trong kinh Phật dạy: Đạo quả Bồ-đề vô thượng của Bồ-tát trụ tại chỗ nào? Phải nói là trụ ở đại bi, nhiều vô lượng vô biên không thể xưng kể, nên

gọi là đại bi. Bồ-tát tu tập tâm vô lượng này, được sự vui hiện tại, có thể khiến chúng sinh xa lìa khổ não, đạt được vô lượng công đức vô thượng, trang nghiêm đạo quả Bồ-đề vô thượng.
